

Bản án số: 59/2026/HS-ST

Ngày: 01/7/2026

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - THÁI NGUYÊN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Bích Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bàn Thị Thu Phương - Ông Bùi Xuân Mậu

Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4-
Nguyên.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- Thái Nguyên tham gia phiên
tòa:** Ông Nguyễn Minh Tồn – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 tháng 6 và ngày 01 tháng 7 năm 2026, tại Hội trường Tòa
án nhân dân khu vực 4-Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ
lý số: 40/2026/TLST-HS ngày 16 tháng 4 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án
ra xét xử số 32/2026/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 4 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. Trần Hồng T (tên gọi khác: không), sinh ngày 13/3/1973, tại Bắc Ninh,
giới tính: Nam, nơi thường trú: xóm A, thôn L, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh; quốc tịch:
Việt Nam, dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ
học vấn: 9/12; Con ông Trần Bá H và bà Đinh Thị N; có vợ: Đinh Thị T1 và 02
con; Tiền án, tiền sự, nhân thân: không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam hiện bị áp dụng biện pháp ngăn chặn
“cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt tại phiên tòa)

2. Nguyễn Văn N1 (tên gọi khác: không), sinh ngày 03/8/1978, tại Hưng
Yên, giới tính: Nam, nơi thường trú: tổ F, phường P, tỉnh Thái Nguyên; quốc tịch:
Việt Nam, dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: Giám đốc Công ty Cổ
phần T5; Đảng viên Đảng sản Việt Nam; trình độ học vấn: 12/12; Con ông
Nguyễn Đình N2 và bà Nguyễn Thị H1; vợ Nguyễn Thị Thùy A, có 02 con; Tiền
án, tiền sự, nhân thân: không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam hiện bị áp dụng biện pháp ngăn chặn
“cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt tại phiên tòa)

*** Những người đại diện hợp pháp cho bị hại Phạm Văn S (đã chết):**

1. Bà Ninh Thu T2, sinh năm 1979

2. Chị Phạm Thị Minh Q, sinh năm 1999

3. Cháu Phạm Ngọc S1, sinh năm 2013, người đại diện hợp pháp cho cháu
S1: Bà Ninh Thu T2, sinh năm 1979

Cùng nơi thường trú: Xóm B, xã P, tỉnh Thái Nguyên

(Bà T2, chị Q, cháu S1 có mặt ngày 26/6/2026 vắng mặt ngày 01/7/2026)

*** Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

ty TNHH Một thành viên dựng Bắc Ninh, địa chỉ: Tổ F, phường P, tỉnh Thái Nguyên. Người đại diện theo pháp luật ông Trần Hồng H2, sinh năm: 1973- chức vụ Giám đốc; nơi thường trú: Tổ A, phường Q, tỉnh Thái Nguyên.

2. Ông Trần Hồng H2; sinh năm: 1973, nơi cư trú: Tổ A, phường Q, tỉnh Thái Nguyên;

3. Công ty Cổ phần T5, địa chỉ: L, xã Q, tỉnh Thái Nguyên. Người đại diện theo pháp luật: Bà Vũ Thị T3, sinh năm 1959, địa chỉ: Tổ F, phường P, tỉnh Thái Nguyên

3. Anh Đào Văn H3; sinh năm: 1988, nơi cư trú: Tổ F, phường P, tỉnh Thái Nguyên.

(Ông H2 có mặt, anh H3 có mặt tại phiên tòa ngày 26/6/2026 vắng mặt tại phiên tòa ngày 01/7/2026, đại diện Công ty Cổ phần T5 có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

*** Người làm chứng:**

1. Ông Lê Quốc N3, sinh năm 1966

Địa chỉ: Xóm Làng Mai, xã Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên

2. Anh Chu Xuân Đ, sinh năm 1975

Địa chỉ: Xóm P- Đ, xã P, tỉnh Thái Nguyên

3. Anh Hoàng Đức P, sinh năm 1978

Địa chỉ: Xóm L, xã P, tỉnh Thái Nguyên

4. Anh Nguyễn Duy H4, sinh năm 1988

Địa chỉ: Xóm L, xã P, tỉnh Thái Nguyên

5. Ông Bùi Văn B, sinh năm 1965

Địa chỉ: Xóm T, xã P, tỉnh Thái Nguyên

6. Anh Dương Minh H5, sinh năm 1985

Địa chỉ: Xóm T, xã P, tỉnh Thái Nguyên

7. Ông Nguyễn Văn H6, sinh năm 1965

Địa chỉ: Xóm L, xã P, tỉnh Thái Nguyên

8. Bà Phạm Thị T4, sinh năm 1978,

Địa chỉ: Xóm L, xã P, tỉnh Thái Nguyên

* Người tham gia tố tụng khác: Ông Hoàng Thái C; chức vụ: Phó Giám đốc Xây dựng T6.

(Ông N3, ông Đ vắng mặt, ông P, anh H4, ông B, anh H5, ông H6, bà T4 có mặt tại phiên tòa ngày 26/6/2026, ông Hoàng Thái C có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 11/10/2024, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện P, tỉnh Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên (Ban Q2, tỉnh Thái Nguyên) đã phê duyệt và ký hợp đồng thi công xây dựng công trình số 411/2024/HDXD Liên danh xây dựng Bắc Ninh và Thương mại Anh K, đứng đầu liên danh là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên X (viết tắt Công ty X), do ông Trần Hồng H2 làm Giám đốc đã trúng thầu hợp đồng thi công xây dựng và Công ty TNHH T7 K thực hiện các công việc hạng mục phòng cháy chữa cháy. Cùng ngày, Ban Q2, tỉnh Thái Nguyên (viết tắt BQLDA.S06) ký Hợp đồng tư vấn giám sát số 413/2024/HĐTVGS với Liên danh M, đứng đầu liên danh là Công ty Cổ phần T5 (viết tắt Công ty T5) do Nguyễn Văn N1 làm Giám đốc. Công ty T5 có trách nhiệm giám sát về chất lượng, khối lượng, tiến độ, an toàn lao động và bảo vệ môi trường trong quá trình thi công Công trình Trường mầm non P1 (hạng mục nhà lớp học 2 tầng 8 phòng, san nền kê đá, hạng mục phụ trợ, giải phóng mặt bằng). Khoảng đầu tháng 4/2025, Trần Hồng H2 thoả thuận miệng với Trần Hồng T thống nhất với nội dung: T nhận thi công xây dựng, ốp lát công trình trường mầm non P1 tại xóm L, xã P, tỉnh Thái Nguyên với đơn giá 1.200.000 đồng/m², giá này gồm toàn bộ xây dựng, vệ sinh, an toàn lao động và khi hoàn thành sẽ bàn giao, thanh toán, T phải chịu trách nhiệm toàn bộ thi công và an toàn lao động. Sau đó, T thuê 08 người thợ xây gồm: ông Phạm Văn S, sinh năm 1968, địa chỉ xóm B, xã P, tỉnh Thái Nguyên; ông Nguyễn Văn H6, sinh năm 1965, HKTT: xóm L, xã P, tỉnh Thái Nguyên; ông Chu Xuân Đ, sinh năm 1975, HKTT: TDP Phô Giá- Mầu, xã P, Thái Nguyên; ông Bùi Văn B, sinh năm 1965; HKTT: TDP T, xã P, tỉnh Thái Nguyên; anh Dương Minh H5, sinh năm 1985; HKTT: xóm T, xã P, Thái Nguyên; anh Nguyễn Duy H4, sinh năm 1988, HKTT: TDP L, xã P, Thái Nguyên; Chị Phạm Thị T4, sinh năm 1978, anh Hoàng Đức P, sinh năm 1978, cùng trú TDP L, xã P, Thái Nguyên với tiền công theo vị trí công việc lao động, mức từ 250.000 đồng đến 350.000 đồng/ngày để xây dựng công trình Trường mầm non P1.

Khoảng 06 giờ ngày 06/7/2025, ông S cùng những thợ xây do T thuê trên đến công trường làm việc, Trần Hồng T phân công ông S và những người thợ xây khác lên tầng hai buộc, đóng cốt pha đổ cột đến khoảng 08 giờ cùng ngày trong quá trình làm việc tại mép sàn tầng hai của Trường Mầm non P1 (cao 3,6m so với mặt đất), ông Phạm Văn S rơi ngã xuống đất, bị chấn thương vùng đầu và tử vong trên đường đi cấp cứu.

Kết quả khám nghiệm tử thi Phạm Văn S, xác định các dấu vết sau: Hai lỗ tai có nhiều máu chảy ra khi thay đổi tư thế; Vùng cằm trái cách sau gốc tai trái 12cm có vết dập rách da cơ nham nhỡ KT: 4,5cm x 3,5cm; Vùng cằm phải cách sau gốc tai phải 16cm có vết rách lóc da cơ KT 8cm x 0,3cm; Vùng lưng trái vết

xây xát, bầm tím KT 8cm x4,5cm; Vỡ phức tạp xương chẩm bên trái; Vỡ lún xương đỉnh bên phải; Tổ chức da và cơ vùng chẩm bị tụ máu; Vỡ xương nền sọ giữa; Chảy tụ máu ngoài màng cứng và dưới màng cứng hai bán cầu não. Tổ chức não phù.

Tại Bản kết luận giám định tử thi số 27/KLGĐTT-KTHS ngày 21/7/2025 của Phòng K1 Công an tỉnh T kết luận: Ông Phạm Văn S bị chấn thương sọ não, vỡ xương hộp sọ, chảy tụ máu ngoài và dưới màng cứng hai bán cầu não, phù não gây tổn thương thần kinh trung ương dẫn đến chết.

Tại Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 06/7/2025 xác định được:

Hiện trường nơi xảy ra vụ việc là tại công trình Trường mầm non P1 đang xây dựng thuộc tổ dân phố L, xã P, tỉnh Thái Nguyên. Phía Nam tiếp giáp bãi đất trống tập kết máy móc đất đá xây dựng. Chênh phía Đông Nam là Trường mầm non xã P1. Phía Tây tiếp giáp là tường bao, tiếp giáp bên ngoài tường bao là ruộng lúa.

Công trình hiện đang xây dựng được 01 tầng, đã đổ mái tầng 1, thời điểm xảy ra sự việc, thợ xây dựng đang đóng các khung cột tầng 2. Quá trình khám nghiệm hiện trường phát hiện, ghi nhận các vị trí sau:

Vị trí 1: Là vùng máu chảy đông tại vị trí trên nền đất giữa tường bao và tường phía Tây tầng 1 công trình. Vùng máu kt (35x50) cm, cách tường Tây 0,8m, cách tường phía Nam 0,5m.

Vị trí 2: là vị trí giàn giáo dựng trên sàn tầng 2, thẳng hướng từ vị trí 1 lên trên. Giàn giáo có khung kim loại (1,6x1,25) m cao 1,47m, phía trên cố định với 02 tấm ván gỗ KT (1,9x0,4) m. Chân giàn giáo cách mép sàn phía Tây 0,3m, cách mép sàn phía Nam 5cm. Đo từ sàn tầng 2 xuống vị trí 1 cao 3,6m. Phía trên 02 tấm ván gỗ có 02 khuy sắt để đóng khung cột và 01 xô nhựa bên trong có nhiều khuy sắt tương tự. Thời điểm xảy ra sự việc, ông S đang đóng khung cột tại góc Tây Nam sàn tầng 2. Khung cột này có KT (33x33) cm, cao 3,35m kiểm tra khung cột là 04 tấm kim loại được liên kết với nhau bằng các khuy sắt, từ độ cao 1,3m đến đỉnh cột, nhiều vị trí lỗ chưa được đóng khuy sắt.

Vị trí 3: Là vị trí để các vật dụng xô, dao, búa, trên sàn tầng 2, phía dưới giàn giáo tại vị trí 2, cách mép sàn phía Tây 0,65m, cách mép sàn phía Nam 0,4m.

Kiểm tra tại mép sàn phía Tây tầng 2 gần vị trí giàn giáo, cách mép sàn 0,3m xuống dưới thò ra 06 thanh kim loại là cốt pha sàn, phần thò ra dài nhất 0,9m, khoảng hở giữa các thanh từ 47-55cm.

Tại Công văn số 82/ĐĐTTTNLD ngày 07/01/2026 của Đoàn tra tai nạn lao động tỉnh Thái Nguyên, xác định: “ ... Ông Trần Hồng T là người sử dụng lao động của ông Phạm Văn S. Ông Trần Hồng T có nghĩa vụ, trách nhiệm trong việc đảm bảo công tác an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc cho người lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 7 và Điều 16 Luật An toàn, vệ sinh lao động.

Ông Trần Hồng H2 và ông Phạm Văn S không phát sinh quan hệ lao động và nội dung thỏa thuận giữa ông Trần Hồng H2 và ông Trần Hồng T có thỏa thuận về trách nhiệm an toàn lao động thuộc về ông Trần Hồng T. Do vậy nhận định nghĩa vụ, trách nhiệm trong việc đảm bảo công tác an toàn, vệ sinh lao động đối với ông Phạm Văn S theo quy định tại khoản 2 Điều 7 và Điều 16 Luật An toàn, vệ sinh lao động không thuộc ông Trần Hồng H2”

Bản cáo trạng số 38/CT-VKSKV4 ngày 11 tháng 02 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4-Thái Nguyên truy tố các bị cáo Trần Hồng T, Nguyễn Văn N1 về tội “*Vi phạm quy định về an toàn lao động*” theo điểm a khoản 1 Điều 295 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, như nội dung bản cáo trạng truy tố là đúng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Thái Nguyên luận tội các bị cáo, giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a khoản 1 khoản 5 Điều 295; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung 2025 (áp dụng thêm Điều 65 đối với bị cáo Trần Hồng T, Điều 36 đối với bị cáo Nguyễn Văn N1); đề nghị xử phạt: Bị cáo Trần Hồng T từ 15-18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách. Bị cáo Nguyễn Văn N1 từ 12-15 tháng cải tạo không giam giữ, khấu trừ thu nhập đối với bị cáo N1 từ 5-10% tháng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Phạt bổ sung các bị cáo từ 10.000.000đ-15.000.000đ.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường xong giữa các bị cáo và bị hại, bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đặt ra xem xét.

Vật chứng: Áp dụng Điều 46 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Trả lại cho Công ty Cổ phần T5 01 chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số: HAN-00031705 do Sở Xây dựng thành phố H cấp.

Các Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan sát điều tra Công an tỉnh, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- Thái Nguyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa

các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Sau khi kết thúc điều tra, ngày 30/01/2026 Cơ quan sát điều tra Công an tỉnh T ban hành Bản kết luận điều tra vụ án đồng thời chuyển hồ sơ vụ án đến Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4-Thái Nguyên để truy tố theo quy định. Đến ngày 09/02/2026 Cơ quan sát điều tra Công an tỉnh T ban hành Văn bản số 1315/CV-VPCQCSĐT đề nghị Sở dựng xem xét xử lý đối với ông Trần Hồng H2 liên quan đến thỏa thuận giao khoán với ông Trần Hồng T là phù hợp với quy định Điều 6 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tuy nhiên sau khi ban hành văn bản Cơ quan điều tra không đơn đốc, nhắc nhở yêu cầu Sở Xây dựng phải thực hiện yêu cầu, kiến nghị của cơ quan có Thẩm quyền tiến hành tố tụng theo quy định tại điều luật trên. Quá trình Tòa án tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ xác định ngày 28/4/2026 Sở Xây dựng có văn bản số 3151/SXD-QLCHĐXD gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T phúc đáp văn bản số 1315/CV-VPCQCSĐT ngày 09/2/2026, tuy nhiên Cơ quan điều tra không gửi văn bản trên để lưu hồ sơ vụ án là chưa đảm bảo theo quy định khoản 5 Điều 88 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử kiến nghị Cơ quan điều tra kinh nghiệm tránh xảy ra sai sót tương tự.

1.2 Đối với việc vắng mặt của người tham gia tố tụng: Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đại diện Công ty Cổ phần T5 có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; Đối với đại diện hợp pháp cho bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Đào Văn H3 có mặt tại phiên tòa ngày 26/6/2026, tại phiên tòa đại diện bị hại không có yêu cầu gì thêm, do đó phiên tòa ngày 01/7/2026 vắng mặt không ảnh hưởng tới việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự xét xử vắng mặt những người trên.

[2] Nhận định của Hội đồng xét xử về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội về hành vi của các bị cáo tại phiên tòa là khách quan, phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án như lời khai người làm chứng, Kết luận giám định. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Liên danh xây dựng Bắc Ninh và Thương mại Anh K trúng thầu thi công xây công trình Trường Mầm non P1, trong đó Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên X (viết tắt Công ty X) thực hiện các công việc Thi công xây công trình Trường Mầm non P1, Công ty TNHH T7 K thực hiện các công việc hạng mục phòng cháy chữa cháy. Quá trình thi công, Công ty Cổ phần T5 (viết tắt Công ty T5) có trách nhiệm giám sát về chất lượng, khối lượng, tiến độ, an toàn lao động và bảo vệ môi trường trong quá trình thi công.

Để thực hiện hợp đồng thi công, ông Trần Hồng H2-Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên X thỏa thuận miệng và giao cho Trần Hồng T thi công xây dựng, ốp lát công trình Trường Mầm non P1. Trong khoảng thời gian từ đầu tháng 4/2025 đến ngày 06/7/2025, tại công trình xây dựng Trường Mầm non

P1, thuộc tổ dân phố L, xã P, tỉnh Thái Nguyên, Trần Hồng T đã thuê 08 thợ xây, trong đó có ông Phạm Văn S. Khoảng 06 giờ ngày 06/7/2025 ông S cùng những thợ xây do T thuê đến công trình làm việc, ông S được T phân công làm việc tại tầng hai trường học thực hiện buộc và đóng cốt pha đổ cột, đến khoảng 08 giờ cùng ngày trong lúc làm việc tại mép sàn tầng hai (cao 3,6m so với mặt đất), ông S bị ngã xuống đất dẫn đến bị chấn thương vùng đầu, tử vong trên đường đi cấp cứu.

Tại Bản kết luận giám định tử thi số 27/KLGĐTT-KTHS ngày 21/7/2025 của Phòng K1 Công an tỉnh T kết luận: Ông Phạm Văn S bị chấn thương sọ não, vỡ xương hộp sọ, chảy tụ máu ngoài và dưới màng cứng hai bán cầu não, phù não gây tổn thương thần kinh trung ương dẫn đến chết.

[3] Trong quá trình thi công, Trần Hồng T là người sử dụng lao động tuy nhiên đã “không đào tạo, không trang bị đầy đủ các phương tiện bảo vệ cá nhân, chống rơi, ngã cho người lao động”, “không cung cấp đầy đủ các phương tiện bảo vệ và thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn theo các quy định tại 2.7.2, 2.7.3; không kiểm tra, theo dõi sức khỏe của người lao động (thể chất và tinh thần) trước khi bắt đầu và trong khi làm việc”, “không lắp lan can an toàn và tấm chặn chân; không trang bị và giám sát người lao động sử dụng dây an toàn”, “không có lưới an toàn, tấm (sàn) đảm bảo an toàn, không có sàn công tác, không sử dụng dây an toàn cùng với dây cứu sinh được treo (buộc) chắc chắn”. Hành vi nêu trên của Trần Hồng T đã vi phạm điểm 2.7.1.1; 2.7.1.2; 2.7.1.3; 2.7.1.4 tiêu mục 2.7 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong thi công xây dựng (QCVN 182021/BXD) ban hành kèm theo Thông tư số 16/2021/TT-BXD ngày 20/12/2021 của Bộ X1; vi phạm khoản 2 Điều 7; các Điều 14, 16, 18 và Điều 23 Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015. Đối với Nguyễn Văn N1 là người có trách nhiệm thực hiện giám sát về chất lượng, khối lượng, tiến độ, an toàn lao động và bảo vệ môi trường trong quá trình xây dựng công trình Trường mầm non P1, tuy nhiên bị cáo “không thực hiện giám sát theo đúng hợp đồng, không giám sát việc thực hiện các quy định về an toàn, bảo vệ môi trường”, “không thông báo kịp thời cho chủ đầu tư để xử lý các vi phạm an toàn lao động tại công trường xây dựng”, hành vi của bị cáo đã vi phạm điểm a, d khoản 1 và điểm đ khoản 2 Điều 122 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 (sửa đổi, bổ sung năm 2020). Do hành vi của bị cáo T không bảo đảm điều kiện an toàn lao động và N1 không thực hiện trách nhiệm giám sát trong quá trình thi công tại công trình Trường Mầm non P1 dẫn đến hậu quả ông S bị ngã từ mép sàn tầng hai cao khoảng 3,6m xuống đất dẫn đến tử vong, do đó, hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “*Vi phạm quy định về an toàn lao động*” theo quy định tại khoản 1 Điều 295 Bộ luật Hình sự (sửa đổi bổ sung năm 2025).

[4] Xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy: Sau khi sự việc xảy ra các bị cáo đã tích cực thăm hỏi, động viên đại diện gia đình bị hại đồng thời chủ động khắc phục hậu quả, bồi

thường toàn bộ trách nhiệm dân sự cho bị hại, trong suốt quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa được gia đình bị hại đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương, quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội do đó các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Trần Hồng T có mẹ được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Kháng chiến hạng Nhì, bị cáo tự nguyện nộp một khoản tiền tại Cơ quan thi hành án để đảm bảo thi hành bản án và có đơn xin tại địa phương; bị cáo Nguyễn Văn N1 có bố vợ được tặng thưởng Huân chương Chiến vệ vang, bị cáo tự nguyện nộp tiền tạm thu tại cơ quan thi hành án Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Xem xét áp dụng hình phạt: Xét các bị cáo có nhân thân tốt, các bị cáo đều là người có năng lực trách nhiệm hình sự, hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động, hậu quả xâm phạm trực tiếp xâm phạm tính mạng và sức khỏe của người lao động được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội, vì vậy cần phải được xử lý bằng pháp luật hình sự. Xét vai trò của các bị cáo: Trong vụ án các bị cáo thực hiện hành vi độc lập với lỗi vô ý, để đưa ra mức hình phạt tương xứng cần đánh giá đúng tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo. Đối với bị cáo Trần Hồng T là người sử dụng lao động tuy nhiên không thực hiện các quy định về an toàn lao động; bị cáo Nguyễn Văn N1 là người có trách nhiệm thực hiện giám sát về chất lượng, khối lượng, tiến độ, an toàn lao động nhưng không thực hiện việc kiểm tra, giám sát an toàn lao động trong quá trình thi công, để mặc công trình thi công trong tình trạng không bảo đảm an toàn dẫn đến hậu quả ông Phạm Văn S tử vong, do đó, cần phải áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo T nặng hơn bị cáo N1 thì mới có tác dụng giáo dục pháp luật đối với bị cáo, đồng thời răn đe phòng chống tội phạm chung. Xét các bị cáo phạm tội với lỗi vô ý, có nhân thân tốt, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 51 Bộ luật Hình sự, các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, sau khi sự việc xảy ra các bị cáo đã chủ động thăm hỏi, bồi thường trách nhiệm dân sự, các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng có khả năng tự cải tạo và nếu không bắt đi chấp hành hình phạt tù thì cũng không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, Hội đồng xét xử cho bị cáo T được cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn N1 xác định có thu nhập trung bình khoảng 13.000.000 đồng, do bị cáo được cải tạo tại địa phương theo quy định tại Điều 36 Bộ luật Hình sự nên trong thời gian cải tạo không giam giữ bị cáo N1 bị khấu trừ thu nhập 5% trên số tiền thu nhập hàng tháng của bị cáo để sung ngân sách nhà nước.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 295 Bộ luật Hình sự ngoài hình phạt chính các bị cáo còn phải chịu hình phạt bổ sung, Hội đồng xét xử thấy, các bị cáo không thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, không thuộc đối tượng

được hỗ trợ của Nhà nước, các bị cáo có tài sản, có sức khỏe để lao động do đó áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo sung ngân sách nhà nước trong giai đoạn xét xử các bị cáo đã tạm nộp tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của các bị cáo.

[7] Trách nhiệm dân sự: Các bị cáo và gia đình bị hại đã thỏa thuận bồi thường, gia đình ông S không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Vật chứng: Đối với 01 (một) Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng do Sở Xây dựng thành phố H cấp cho Công ty Cổ phần T5 có giá trị đến ngày 30/9/2032 do không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự trả cho Công ty Cổ phần T5 quản lý sử dụng.

[9] Các Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[10] Đối với ông Trần Hồng H2, với tư cách Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên X, là đại diện đơn vị nhận thầu thi công công trình theo Hợp đồng số 411/2024/HDXD ngày 11/10/2024 với chủ đầu tư. Sau khi ký hợp đồng, ông H2 đã thỏa thuận giao khoán lại phần thi công xây dựng cho Trần Hồng T, trong đó T chịu trách nhiệm trực tiếp tổ chức thi công và bảo đảm an toàn lao động. Quá trình điều tra xác định H2 không trực tiếp quản lý, điều hành thi công tại công trường; không thuê, quản lý, trả công cho ông Phạm Văn S; không phát sinh quan hệ lao động với người bị hại. Theo kết luận tại Công văn số 82/ĐĐT-TNLD ngày 07/01/2026 của Đoàn điều tra tai nạn lao động tỉnh Thái Nguyên xác định “...Ông Trần Hồng H2 và ông Phạm Văn S không phát sinh quan hệ lao động và nội dung thỏa thuận giữa ông Trần Hồng H2 và ông Trần Hồng T có thỏa thuận về trách nhiệm an toàn lao động thuộc về ông Trần Hồng T. Do vậy nhận định nghĩa vụ, trách nhiệm trong việc đảm bảo công tác an toàn, vệ sinh lao động đối với ông Phạm Văn S theo quy định tại khoản 2 Điều 7 và Điều 16 Luật An toàn, vệ sinh lao động không thuộc ông Trần Hồng H2”, nghĩa vụ bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động đối với ông S thuộc về Trần Hồng T. Do đó, không có căn cứ xác định ông Trần Hồng H2 có nghĩa vụ trực tiếp bảo đảm an toàn lao động hoặc có hành phạm quy định về an toàn lao động gây hậu quả chết người, không đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về an toàn lao động”.

Đối với các hành vi: giao khoán công trình cho Trần Hồng T không lập hợp đồng bằng văn bản, hợp đồng giao khoán cho bên nhận thầu không đáp ứng điều kiện năng lực hành nghề, năng lực hoạt động theo quy định của pháp luật về xây dựng, thực hiện theo điểm 16 hợp đồng thi công xây dựng số 411/2024/HDXD. Ngày 09/02/2026 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T (CQCSĐT) đã ban hành văn bản số 1315/CV-VPCQCSĐT đề nghị đến Sở Xây dựng tỉnh T6 để xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật, tại Văn bản 3151/SXD-QLCHDXD ngày 28/4/2026 trả lời CQCSĐT đề nghị gửi thông tin nội dung vi phạm về quy định

an toàn lao động (nếu có) đến Cơ quan chủ trì điều tra tai nạn lao động để xử lý đảm bảo theo quy định. Đồng thời tại phiên tòa ông Trần Hồng H2 xác định đến thời điểm xét xử chưa bị cơ quan có thẩm quyền xem xét xử lý đối với hành vi này, do đó Hội đồng xét xử kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T tiếp tục xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

Mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị có căn cứ được chấp nhận.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

[1] Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Trần Hồng T và Nguyễn Văn N1 phạm tội “Vi phạm quy định về an toàn lao động”.

[2] Về hình phạt:

[2.1] Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 295; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Trần Hồng T 15 (Mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 tháng (ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần Hồng T cho Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Bắc Ninh quản lý, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 87 của Luật Thi hành án hình sự 2025. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[2.2] Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 295; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật Hình sự xử phạt: Nguyễn Văn N1 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh T nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Nguyễn Văn N1 cho Ủy ban nhân dân phường P, tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Trong thời gian cải tạo không giam giữ gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

[2.3] Khấu trừ thu nhập của bị cáo Nguyễn Văn N1 650.000 đồng/tháng (Sáu trăm năm mươi nghìn đồng/tháng) trong thời gian bị cáo chấp hành án để sung quỹ nhà nước, việc khấu trừ thu nhập được thực hiện hàng tháng. Người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự.

[3] Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5 Điều 295 Bộ luật Hình sự, phạt bổ sung các bị cáo Trần Hồng T, Nguyễn Văn N1 mỗi bị cáo 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) sung ngân sách nhà nước.

[3.1] Ghi nhận bị cáo Trần Hồng T đã thi hành xong tiền phạt bổ sung theo biên lai thu số 0000826 ngày 30/6/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

[3.2] Ghi nhận bị cáo Nguyễn Văn N1 đã thi hành được 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) theo biên lai thu số 0000827 ngày 30/6/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên, bị cáo còn phải nộp số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

[4] Trách nhiệm dân sự: Giữa các bị cáo và bị hại đã thỏa thuận bồi thường xong, bị hại không yêu cầu gì thêm do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại cho Công ty Cổ phần T5 (một) Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số: HAN-00031705 do Sở Xây dựng thành phố H cấp.

(Chứng chỉ hiện đang lưu giữ kèm theo hồ sơ vụ án, được Tòa án tiến hành giao trả kèm theo khi giao nhận bản án)

[6] Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13, ngày 25 tháng 11 năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo Trần Hồng T, Nguyễn Văn N1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm sung ngân sách nhà nước.

[7] Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các bị cáo, người đại diện bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Công an tỉnh Thái Nguyên;
- Phòng THADS khu vực 4 Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND khu vực 4-Thái Nguyên;
- UBND xã Đại Đồng, tỉnh Bắc Ninh;
- UBND phường Phan Đình Phùng- TN;
- Các Bị cáo, người có QLNVLQ; đại diện bị hại;
- Lưu HS,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Thị Bích Hiền